

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC: ĐỊA LÍ; KHỐI LỚP 10 (BỘ SÁCH CÁNH DIỀU)
(Năm học 2022 - 2023)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**1. Tình hình học sinh.**

- Số lớp: ... lớp
- Số học sinh: học sinh
- Số học sinh học chuyên đề lựa chọn:học sinh

2. Tình hình đội ngũ:

- Số giáo viên: 4;
- + Trình độ đào tạo: Đại học: 03; Trên đại học: 01;
- + Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 04; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Bản đồ tự nhiên Việt Nam	01	- Bài 2. Sử dụng bản đồ - Bài 6. Ngoại lực và tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất - Bài 14. Vỏ địa lí. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
2	Bản đồ dân cư Việt Nam	01	- Bài 2. Sử dụng bản đồ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
3	Bản đồ kinh tế chung Việt Nam	01	- Bài 2. Sử dụng bản đồ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
4	Quả địa cầu	01	- Bài 3. Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng - Bài 4. Hệ quả địa lí các chuyển động chính của Trái	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu

			Đất	
5	Bản đồ các mảng kiến tạo và các vành đai động đất, núi lửa	01	- Bài 3. Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng - Bài 5. Thạch quyển. Nội lực và tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
6	Bản đồ tự nhiên thế giới.	01	- Bài 6. Ngoại lực và tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất - Bài 7. Khí quyển. Nhiệt độ không khí - Bài 8. Khí áp, gió và mưa - Bài 10. Thủy quyển. Nước trên lục địa - Bài 11. Nước biển và đại dương - Bài 29. Môi trường và tài nguyên thiên nhiên - Bài 30. Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
7	Bản đồ khí hậu thế giới	01	- Bài 7. Khí quyển. Nhiệt độ không khí - Bài 8. Khí áp, gió và mưa - Bài 9. Thực hành: Đọc bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất. Phân tích biểu đồ một số kiểu khí hậu	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
8	Bản đồ các kiểu thảm thực vật và các nhóm đất chính trên Trái Đất	01	- Bài 12. Đất và sinh quyển - Bài 13. Thực hành: Phân tích bản đồ, sơ đồ về phân bố của đất và sinh vật trên thế giới - Bài 15. Quy luật địa đới và phi địa đới	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
9	Bản đồ dân cư thế giới	01	- Bài 16. Dân số và gia tăng dân số. Cơ cấu dân số - Bài 17. Phân bố dân cư và đô thị hóa	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
10	Bản đồ nông nghiệp thế giới	01	- Bài 20. Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản - Bài 21. Địa lí các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản - Bài 22. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
11	Bản đồ công nghiệp thế giới	01	- Bài 23. Vai trò, đặc điểm, cơ cấu, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp - Bài 24. Địa lí một số ngành công nghiệp - Bài 25. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
12	Bản đồ giao thông vận tải thế giới	01	Bài 28. Thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu

13	Bản đồ thương mại thế giới	01	Bài 28. Thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
14	Bản đồ du lịch thế giới	01	Bài 28. Thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng học bộ môn	1		
2	Nhà đa năng	1		
...				

II. Kế hoạch dạy học¹

1. Phân phối chương trình

PHẦN 1: SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ 10

HỌC KỲ I (18 tuần x 2 tiết/1 tuần), HỌC KỲ II (17 tuần x 2 tiết/1 tuần)

Tiết	Bài dạy/chủ đề
PHẦN 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG	
Tiết 1	Bài 1: Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho học sinh
Tiết 2 3 4	Bài 2: Sử dụng bản đồ
PHẦN 2: ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN	
Chương 1. Trái Đất	
Tiết 5	Bài 3: Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng

PHẦN 2: SÁCH CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP ĐỊA LÍ 10

PHẦN 2: SÁCH CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP ĐỊA LÍ 10

PHẦN 2: SÁCH CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP ĐỊA LÍ 10

PHẦN 3: ĐỊA LÍ KINH TẾ- XÃ HỘI

Chương 7. Địa lí dân cư

Tiết 37 38	Bài 16: Dân số và gia tăng dân số. Cơ cấu dân số
------------	--

Tiết 39 40	Bài 17: Phân bố dân cư và đô thị hóa
------------	--------------------------------------

Chương 8. Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế

Tiết 41	Bài 18: Các nguồn lực phát triển kinh tế
---------	--

Tiết 42 43	Bài 19: Cơ cấu nền kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia
------------	--

Chương 9. Địa lí các ngành kinh tế

ĐỊA LÍ NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Tiết 44	Bài 20. Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
---------	---

Tiết 45 46 47 48	Bài 21. Địa lí các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	
Tiết 49	Bài 22. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	
Tiết 50	Ôn tập giữa kì II	
Tiết 51	Kiểm tra giữa kì II	
ĐỊA LÍ CÔNG NGHIỆP		
Tiết 52	Bài 23. Vai trò, đặc điểm, cơ cấu, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp	
Tiết 53 54 55 56	Bài 24. Địa lí một số ngành công nghiệp	
Tiết 57	Bài 25. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	
ĐỊA LÍ DỊCH VỤ		
Tiết 58	Bài 26. Vai trò, đặc điểm, cơ cấu, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ	1
Tiết 59 60 61 62	Bài 27. Địa lí giao thông vận tải và bưu chính viễn thông	
Tiết 63 64 65 66	Bài 28. Thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch	
Chương 10. Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh		
Tiết 67	Bài 29. Môi trường và tài nguyên thiên nhiên	
Tiết 68	Bài 30. Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh	
Tiết 69	Ôn tập cuối kì II	
Tiết 70	Kiểm tra cuối kì II	

PHẦN 2: SÁCH CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP ĐỊA LÍ 10

HỌC KỲ I (18 tuần x 1 tiết/1 tuần), **HỌC KỲ II** (17 tuần x 1 tiết/1 tuần)

Tiết	Bài dạy/chủ đề	
CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP 1: BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU		
Tiết 1 2	Bài 1: Khái niệm và biểu hiện của biến đổi khí hậu	
Tiết 3 4	Bài 2: Nguyên nhân gây biến đổi khí hậu	
Tiết 5 6 7	Bài 3: Tác động và hậu quả của biến đổi khí hậu	
Tiết 8 9 10	Bài 4: Ứng phó với biến đổi khí hậu	
CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP 2: ĐÔ THỊ HÓA		
Tiết 11 12	Bài 5: Khái niệm	
Tiết 13 14 15 16 17	Bài 6: Đô thị hóa ở các nước phát triển	
Tiết 18 19 20 21 22	Bài 7: Đô thị hóa ở các nước đang phát triển	
Tiết 23 24 25	Bài 8: Tác động của đô thị hóa ở các nước đang phát triển	
CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP 3: PHƯƠNG PHÁP VIẾT BÁO CÁO ĐỊA LÍ		
Tiết 26 27 28 29 30	Bài 9: Những vấn đề chung	
Tiết 31 32 33 34 35	Bài 10: các bước viết báo cáo địa lí	

2. Kế hoạch dạy học cụ thể và tổ chức thực hiện chương trình khối 10- Năm học 2022- 2023

PHẦN I: SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ

Thứ tự tiết	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (4)
1	Bài 1. Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho học sinh	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS khái quát được đặc điểm cơ bản của môn Địa lí. - Xác định được vai trò của môn Địa lí đối với đời sống. - Xác định được những ngành nghề có liên quan đến kiến thức địa lí. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định được mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ,... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> Phân tích được ý nghĩa và vai trò của môn Địa lí đối với đời sống, các ngành nghề có liên quan đến kiến thức Địa lí. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh,... - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về đặc điểm cơ bản và vai trò của môn Địa lí đối với đời sống, các ngành nghề có liên quan đến kiến thức Địa lí. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Tôn trọng năng lực, phẩm chất cũng như định hướng nghề nghiệp của cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. 	
2	Bài 2. Sử dụng bản đồ	3	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. - Sử dụng được bản đồ trong học tập địa lí và đời sống. 	
3				
4				

			<p>- Xác định và sử dụng được một số ứng dụng GPS và bản đồ số trong đời sống.</p> <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <p>- <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i></p> <p>+ Có khả năng và sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác trong học tập.</p> <p>+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.</p> <p>- <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.</p> <p>- <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ,...</p> <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <p>- <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i></p> <p>+ Đọc được bản đồ để xác định được một phương pháp thể hiện đối tượng địa lí trên bản đồ</p> <p>+ Xác định và lí giải được sự phân bố các đối tượng địa lí.</p> <p>+ Phát hiện và giải thích được khả năng thể hiện của một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.</p> <p>+ Biết cách sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống.</p>	
--	--	--	---	--

5	Bài 3. Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguồn gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. - Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng; vận dụng để giải thích được nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Có khả năng giúp đỡ được các bạn khác vượt lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ, video... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ, video để xác định được nguồn gốc của Trái Đất, lớp vỏ Trái Đất và các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. Các mảng kiến tạo và sự dịch chuyển của chúng. > Xác định và lí giải được sự phân bố của các mảng kiến tạo, các vành đai động đất, núi lửa, các dãy núi trẻ. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự hình thành và biến đổi của một số dạng địa hình trên Trái Đất. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, tranh ảnh, video địa lí. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về nguồn gốc của Trái Đất, lớp vỏ Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến nguồn gốc của Trái Đất, lớp vỏ
---	--	---	--

			<p>Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng.</p> <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu nước:</i> Tự hào trước lịch sử hình thành và phát triển của tự nhiên. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng hiểu biết cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tôn trọng quy luật vận động của tự nhiên. Tích cực bảo vệ tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ Trái Đất. 	
6	Bài 4. Hệ quả địa lí các chuyển động chính của Trái Đất	3	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích (kết hợp sử dụng hình vẽ, lược đồ) được hệ quả địa lí các chuyển động chính của Trái Đất: chuyển động tự quay (sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất); chuyển động quanh Mặt Trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ). - Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Sẵn sàng giúp đỡ các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ, video... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được video địa lí để xác định được hướng chuyển động và các hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất; Quỹ đạo chuyển động và các hệ quả chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được các hệ quả các chuyển động chính của Trái Đất. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết sử dụng mô hình, tranh ảnh, video,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. 	
7				
8				

			<p>- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</p> <p>+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy các hệ quả chuyển động của Trái Đất.</p> <p>+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến các hệ quả chuyển động của Trái Đất.</p> <p>3. Phẩm chất:</p>	
9	Bài 5. Thạch quyển. Nội lực và tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất	3	<p>1. Kiến thức:</p> <p>- Trình bày được khái niệm thạch quyển, phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất.</p> <p>- Trình bày khái niệm, nguyên nhân của nội lực và tác động của nội lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.</p> <p>- Phân tích được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.</p> <p>- Nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, các vành đai núi lửa trên Trái Đất.</p> <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <p>- <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i></p> <p>+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập.</p> <p>+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.</p> <p>- <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.</p> <p>- <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,...</p> <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <p>- <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i></p> <p>+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:</p>	
10				
11				

			<p>> Sử dụng được bản đồ, tranh ảnh, video để xác định được: Thạch quyển. Các khu vực chịu tác động của nội lực và các dạng địa hình bề mặt Trái Đất do tác động của nội lực tạo thành.</p> <p>> Xác định và lí giải được sự phân bố các dạng địa hình do tác động của nội lực.</p> <p>+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được các khu vực chịu tác động của nội lực và các dạng địa hình bề mặt Trái Đất do tác động của nội lực tạo thành.</p> <p>- <i>Tìm hiểu địa lí:</i></p> <p>+ Sử dụng các công cụ địa lí:</p> <p>> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,...</p> <p>> Biết đọc và sử dụng bản đồ.</p> <p>> Sử dụng mô hình, tranh ảnh, video,...</p> <p>+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.</p> <p><i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i></p>	
12	Bài 6. Ngoại lực và tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất	2	<p>1. Kiến thức:</p> <p>- Trình bày được khái niệm, nguyên nhân của ngoại lực và tác động của ngoại lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.</p> <p>- Phân tích được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.</p> <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p>	
13				

		<ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, tranh ảnh, bản đồ... - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được các khu vực chịu tác động của ngoại lực và các dạng địa hình trên bề mặt Trái Đất do tác động của ngoại lực tạo thành. > Xác định và lí giải được sự phân bố các dạng địa hình do tác động của ngoại lực tạo thành. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được các khu vực chịu tác động của ngoại lực và các dạng địa hình trên bề mặt Trái Đất do tác động của ngoại lực tạo thành. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... > Biết đọc và sử dụng bản đồ. > Sử dụng mô hình, tranh ảnh, video địa lí... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về các khu vực chịu tác động của ngoại lực và các dạng địa hình trên bề mặt Trái Đất do tác động của ngoại lực tạo thành. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến các khu vực chịu tác động của ngoại lực và các dạng địa hình trên bề mặt Trái Đất do tác động của ngoại lực tạo thành. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Biết trân trọng các khu vực tự nhiên khác nhau. 	
--	--	--	--

			<ul style="list-style-type: none"> - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. 	
14	Bài 7. Khí quyển. Nhiệt độ không khí	2	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm khí quyển. - Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương; địa hình. - Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về nhiệt độ. - Giải thích được một số hiện tượng về thời tiết và khí hậu trong thực tế. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định và lí giải được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương; địa hình. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Giải thích được một số hiện tượng về thời tiết và khí hậu trong thực tế. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng các công cụ địa lí: <ul style="list-style-type: none"> > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... > Sử dụng mô hình, tranh ảnh, video địa lí... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương; địa hình. 	
15				

			<p>+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến một số hiện tượng về thời tiết và khí hậu.</p> <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu nước: Yêu đất nước, tự hào về điều kiện tự nhiên của đất nước. - Nhân ái: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, sự khác biệt môi trường sống. 	
16	Ôn tập giữa kì I	1	<p>1. Kiến thức:</p> <p>Ôn tập, Hệ thống hoá, khái quát hoá kiến thức của các chương đã học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số vấn đề chung - Chương I: Trái Đất - Chương II: Thạch Quyển - Chương III: Khí quyển (Bài 7) <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. 	
17	Kiểm tra giữa kì I	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho học sinh. - Sử dụng bản đồ - Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng - Hệ quả địa lí các chuyển động chính của Trái Đất - Thạch quyển. Nội lực và tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất - Ngoại lực tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất - Khí quyển, nhiệt độ không khí. 	

			<p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. 	
18	Bài 8. Khí áp, gió và mưa	4	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp. - Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất; một số loại gió địa phương. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới. - Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về khí áp, gió và mưa. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất. Gió và mưa. > Xác định và lí giải được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất. Gió và mưa. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất. Gió và mưa. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... 	
19				
20				
21				

			<ul style="list-style-type: none"> > Biết đọc và sử dụng bản đồ. > Sử dụng mô hình, tranh ảnh, video địa lí... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất. Gió và mưa. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự hình thành các đai khí áp 	
22	Bài 9. Thực hành: Đọc bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất. Phân tích biểu đồ một số kiểu khí hậu	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất; phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất để phân tích được sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất. 	

			<p>> Xác định và lí giải được sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất.</p> <p>+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất.</p> <p>- <i>Tìm hiểu địa lí:</i></p> <p>+ Sử dụng các công cụ địa lí:</p> <p>> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas...</p> <p>> Biết đọc và sử dụng bản đồ.</p> <p>> Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản: nhiệt độ trung bình năm, biên độ nhiệt, lượng mưa, cân bằng ẩm...</p> <p>> Nhận xét và giải thích biểu đồ về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm; sử dụng mô hình, tranh ảnh...</p> <p>- <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i></p> <p>+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất.</p> <p>+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất.</p> <p>3. Phẩm chất:</p> <p>- <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào trước vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước.</p> <p>- <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về môi trường sống của các khu vực, quốc gia, dân tộc.</p> <p>- <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.</p> <p>- <i>Trung thực</i> trong học tập.</p> <p>- <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập.</p>	
23	Bài 10. Thủy quyển. Nước trên lục địa	3	<p>1. Kiến thức:</p> <p>- Nêu được khái niệm thủy quyển.</p> <p>- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông và trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể.</p> <p>- Phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm.</p>	
24				
25				

		<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được sơ đồ; phân tích hình vẽ về thủy quyển. - Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Có khả năng và sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được một số nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông; Một số hồ... + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Nêu được khái niệm thủy quyển. Phát hiện và giải thích được một số nhân tố ảnh hưởng đến chế độ nước sông, biết phân loại hồ... - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... > Sử dụng mô hình, tranh ảnh liên quan đến một số nhân tố ảnh hưởng đến chế độ nước sông, một số hồ... - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về một số nhân tố ảnh hưởng đến chế độ nước sông, một số hồ và cách phân loại. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến một số nhân tố ảnh hưởng đến chế độ nước sông, một số sông lớn trên Trái Đất, phân loại hồ, nước băng tuyết và nước ngầm. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. 	
--	--	---	--

			<ul style="list-style-type: none"> - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. 	
26 27	Bài 11. Nước biển và đại dương	2	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương. - Giải thích được hiện tượng sóng biển và thủy triều. - Trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương. - Nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế-xã hội. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: <ul style="list-style-type: none"> > Sử dụng được bản đồ, video để xác định được sự phân bố và hoạt động của các dòng biển trên Trái Đất, cơ chế hoạt động của sóng biển, thủy triều... > Xác định và lí giải được sự phân bố các dòng biển, hoạt động của sóng biển, thủy triều. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được hiện tượng sóng, thủy triều và các dòng biển. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng các công cụ địa lí: <ul style="list-style-type: none"> > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... > Biết đọc và sử dụng bản đồ. > Sử dụng mô hình, tranh ảnh, video... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin 	

			<p>cây về sóng biển, thủy triều và các dòng biển. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sóng, thủy triều và các dòng biển. Hiểu được vai trò của biển, đại dương đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Sẵn sàng tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.</p>	
28	Bài 12. Đất và sinh quyển	3	<p>1. Kiến thức: - Trình bày được khái niệm về đất; phân biệt được lớp vỏ phong hóa và đất; trình bày được các nhân tố hình thành đất. - Trình bày được khái niệm sinh quyển; phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật. - Liên hệ được thực tế ở địa phương.</p> <p>2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ...</p> * Năng lực chuyên biệt: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ, sơ đồ phân bố đất và sinh vật trên thế giới. > Xác định và lí giải được sự phân bố đất và sinh vật trên thế giới.	
29				
30				

			<p>+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự phân bố đất và sinh vật trên thế giới.</p> <p>- <i>Tìm hiểu địa lí:</i></p> <p>+ Sử dụng các công cụ địa lí:</p> <p>> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas...</p> <p>> Biết đọc và sử dụng bản đồ.</p> <p>> Nhận xét và giải thích biểu đồ phân bố đất và sinh vật trên thế giới.</p> <p>- <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i></p> <p>+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phân bố đất và sinh vật trên thế giới.</p> <p>+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phân bố đất và sinh vật trên</p>	
31	Bài 13. Thực hành: Phân tích bản đồ, sơ đồ về phân bố của đất và sinh vật trên thế giới	1	<p>1. Kiến thức:</p> <p>- Phân tích được sơ đồ, hình vẽ, bản đồ phân bố các nhóm đất và sinh vật trên thế giới.</p> <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <p>- <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i></p> <p>+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.</p> <p>+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.</p> <p>- <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.</p> <p>- <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông</p>	

			<p>tin SGK, Atlas, bản đồ...</p> <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ, sơ đồ phân bố đất và sinh vật trên thế giới. > Xác định và lí giải được sự phân bố đất và sinh vật trên thế giới. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự phân bố đất và sinh vật trên thế giới. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... > Biết đọc và sử dụng bản đồ. > Nhận xét và giải thích biểu đồ phân bố đất và sinh vật trên thế giới. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phân bố đất và sinh vật trên thế giới. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phân bố đất và sinh vật trên thế giới. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự tồn tại của các loài sinh vật. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, nhất là tài nguyên đất và sinh vật. 	
32	Bài 14. Vỏ địa lí. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khái niệm vỏ địa lí; phân biệt được vỏ địa lí và vỏ Trái Đất. - Trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí; liên hệ được thực tế ở địa phương. - Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí. 	

			<p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp; biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> Phát hiện và giải thích được các biểu hiện của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... > Sử dụng mô hình, tranh ảnh, video địa lí... - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về các biểu hiện của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến các biểu hiện của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự tồn tại và quy luật của các thành phần tự nhiên. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Hiểu và tôn trọng quy luật của tự nhiên. 	
33	Bài 15. Quy luật địa đới và phi địa đới	2	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới và phi địa đới; 	
34				

		<p>liên hệ được thực tế ở địa phương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng các quy luật địa lí. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Có khả năng và sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Xác định và lí giải được sự phân bố các đối tượng địa lí theo quy luật địa đới và phi địa đới. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự thay đổi có tính quy luật (địa đới và phi địa đới) của các thành phần tự nhiên trên Trái Đất. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam. > Sử dụng mô hình, tranh ảnh, video địa lí... - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về quy luật địa đới và phi địa đới. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến quy luật địa đới và phi địa đới. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự tồn tại và quy luật của các thành phần tự nhiên. 	
--	--	---	--

			<p>- <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập.</p>	
35	Ôn tập cuối kì I	1	<p>- <i>Trung thực</i> trong học tập.</p> <p>1. Kiến thức: Hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kì I: - Một số vấn đề chung. - Trái Đất. - Thạch quyển. - Khí quyển. - Thủy quyển. - Sinh quyển. - Một số quy luật của lớp vỏ địa lí</p> <p>2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.</p> <p>3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.</p>	
36	Kiểm tra cuối kì I	1	<p>1. Kiến thức: Kiểm tra mức độ hiểu kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kì I: - Một số vấn đề chung. - Trái Đất. - Thạch quyển. - Khí quyển. - Thủy quyển. - Sinh quyển. - Một số quy luật của lớp vỏ địa lí</p> <p>2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ</p>	

			năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
37	Bài 16. Dân số và gia tăng dân số. Cơ cấu dân số	2	1. Kiến thức: - Trình bày được đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới. - Phân biệt được gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh, tỉ suất tử) và cơ học (xuất cư, nhập cư); trình bày được khái niệm về gia tăng dân số thực tế; phân tích được các nhân tố tác động đến gia tăng dân số. - Trình bày được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học (tuổi và giới tính), cơ cấu xã hội (lao động, trình độ văn hóa). - So sánh được các loại tháp dân số tiêu biểu. - Giải thích được một số hiện tượng về dân số trong thực tiễn. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... * Năng lực chuyên biệt: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được sự khác nhau về tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên giữa các khu vực trên thế giới,.. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự khác nhau về quy mô dân số, tỉ suất sinh, tỉ suất tử, tỉ suất gia tăng tự nhiên, gia tăng cơ học của dân số các khu vực (châu lục) trên thế giới. Các loại cơ cấu dân số. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... > Biết đọc và sử dụng bản đồ dân cư thế giới. > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản: tỉ suất sinh, tỉ suất tử, tỉ suất gia tăng tự	
38				

			<p>nhiên, gia tăng cơ học, cơ cấu dân số....</p> <p>> Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh...</p> <p>+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.</p> <p>- <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i></p> <p>+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về quy mô dân số, tỉ suất sinh, tỉ suất tử, tỉ suất gia tăng tự nhiên, gia tăng cơ học của dân số các khu vực (châu lục) trên thế giới. Cơ cấu dân số.</p> <p>+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến quy mô dân số, tỉ suất sinh, tỉ suất tử, tỉ suất gia tăng tự nhiên, gia tăng cơ học của dân số các khu vực (châu lục) trên thế</p>	
39	Bài 17. Phân bố dân cư và đô thị hóa	2	<p>1. Kiến thức:</p> <p>- Phân tích được tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế-xã hội đến phân bố dân cư.</p> <p>- Trình bày được khái niệm, phân tích được các nhân tố tác động đến đô thị hóa và ảnh hưởng của đô thị hóa đến sự phát triển kinh tế-xã hội và môi trường.</p> <p>- Nhận xét và giải thích được sự phân bố dân cư thế giới thông qua bản đồ.</p> <p>- Vẽ được biểu đồ về dân số (quy mô, động thái, cơ cấu).</p> <p>- Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số, xử lý số liệu.</p> <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <p>- <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i></p> <p>+ Sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.</p> <p>+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.</p> <p>- <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao</p>	
40				

			<p>tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.</p> <p>- <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ...</p> <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <p>- <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>:</p> <p>+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:</p> <p>> Đọc được bản đồ phân bố dân cư thế giới để xác định được sự phân bố dân cư trên thế giới. Mạng lưới đô thị hóa trên thế giới.</p> <p>+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự khác nhau về mật độ dân số giữa các khu vực trên thế giới. Mạng lưới đô thị hóa trên thế giới.</p> <p>- <i>Tìm hiểu địa lí</i>:</p> <p>+ Sử dụng các công cụ địa lí:</p> <p>> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas...</p> <p>> Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản: mật độ dân số, tỉ lệ dân thành thị...</p> <p>> Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh...</p> <p>+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.</p>	
41	Bài 18. Các nguồn lực phát triển kinh tế	1	<p>1. Kiến thức:</p> <p>- Trình bày được khái niệm và phân loại các nguồn lực, phân tích được vai trò của mỗi loại nguồn lực đối với phát triển kinh tế.</p>	

		<p>- Phân tích được sơ đồ nguồn lực.</p> <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <p>- <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i></p> <p>+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.</p> <p>+ Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.</p> <p>- <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.</p> <p>- <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ...</p> <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <p>- <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i></p> <p>+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định và phân tích được các nguồn lực phát triển kinh tế.</p> <p>+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được các nguồn lực phát triển kinh tế.</p> <p>- <i>Tìm hiểu địa lí:</i></p> <p>+ Sử dụng các công cụ địa lí:</p> <p>> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas...</p> <p>> Biết đọc và sử dụng bản đồ, sơ đồ.</p> <p>> Sử dụng mô hình, tranh ảnh...</p> <p>+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.</p> <p>- <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i></p> <p>+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về các nguồn lực phát triển kinh tế.</p> <p>+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến các nguồn lực phát triển kinh tế của địa phương, đất nước.</p> <p>3. Phẩm chất:</p> <p>- <i>Yêu nước:</i> Tự hào về các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.</p> <p>- <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác.</p> <p>- <i>Chăm chỉ:</i> Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.</p>	
--	--	---	--

			<ul style="list-style-type: none"> - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có ý thức sử dụng hợp lí các nguồn lực của gia đình, địa phương, đất nước. 	
42	Bài 19. Cơ cấu nền kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia	2	1. Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế; phân biệt được các loại cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ. - So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế: tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng thu nhập quốc gia (GNI), GDP và GNI bình quân đầu người. - Phân tích được sơ đồ cơ cấu nền kinh tế. - Vẽ được biểu đồ cơ cấu nền kinh tế và nhận xét, giải thích. - Liên hệ được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế ở địa phương. 2. Năng lực: <ul style="list-style-type: none"> * Năng lực chung: <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Có khả năng và sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... * Năng lực chuyên biệt: <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định và phân tích được các loại cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được các loại cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng các công cụ địa lí: <ul style="list-style-type: none"> > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, sơ đồ. > Sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin 	

			<p>cây về các loại cơ cấu kinh tế; Tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến các loại cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia.</p> <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về trình độ phát 	
44	Bài 20. Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò, đặc điểm của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định và lí giải được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản giữa các khu vực/châu lục trên thế giới có sự khác nhau do các điều kiện phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản khác nhau. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> 	

			<p>+ Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... > Biết đọc và sử dụng bản đồ. > Sử dụng mô hình, tranh ảnh... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.</p> <p>3. Phẩm chất: - Yêu nước: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước cũng như quá trình phát triển kinh tế - xã hội. - Nhân ái: Tôn trọng sự lựa chọn nghề nghiệp cũng như tôn trọng các nghề nghiệp. - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc tìm hiểu, nghiên cứu và tham gia các hoạt động sản xuất phù hợp với bản thân.</p>	
45	Bài 21. Địa lí các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	4	<p>1. Kiến thức: - Trình bày được vai trò, đặc điểm của các ngành trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. - Trình bày và giải thích được sự phân bố một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở địa phương. - Đọc được bản đồ; xử lí, phân tích được số liệu thống kê và vẽ được biểu đồ về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.</p> <p>2. Năng lực: * Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: + Sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.</p>	
46				
47				
48				

		<ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp; biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... * Năng lực chuyên biệt: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Đọc được bản đồ phân bố các loại cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới để xác định tên gọi, sự phân bố của các loại cây trồng, vật nuôi chính. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự phát triển và phân bố các loại cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng các công cụ địa lí: <ul style="list-style-type: none"> > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... > Biết đọc và sử dụng bản đồ. > Sử dụng mô hình, tranh ảnh... - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vai trò, sự phát triển và phân bố các cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò, sự phát triển và phân bố các cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới và Việt Nam. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước cũng như quá trình phát triển kinh tế - xã hội. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự lựa chọn nghề nghiệp cũng như tôn trọng các nghề nghiệp. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt 	
--	--	---	--

			động học tập. Có trách nhiệm trong việc tìm hiểu, nghiên cứu và tham gia các hoạt động	
49	Bài 22. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp; phân biệt được vai trò, đặc điểm của một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. - Nêu được một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới; những định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp; biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định và lí giải được một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp chủ yếu. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự phát triển và phân bố nông nghiệp giữa các khu vực/châu lục trên thế giới có sự khác nhau do các điều kiện phát triển nông nghiệp khác nhau. Hình thành các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp khác nhau. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng các công cụ địa lí: <ul style="list-style-type: none"> > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... > Biết đọc và sử dụng bản đồ. > Sử dụng mô hình, tranh ảnh... - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp chủ yếu. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến một số hình thức tổ chức lãnh 	

			<p>thổ nông nghiệp chủ yếu trên thế giới và Việt Nam.</p> <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước cũng như quá trình phát triển kinh tế - xã hội. - <i>Nhân ái:</i> Tôn trọng sự lựa chọn nghề nghiệp cũng như tôn trọng các nghề nghiệp. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm trong việc tìm hiểu, nghiên cứu và tham gia các hoạt động sản xuất phù hợp với bản thân. Hiểu và có trách nhiệm đối với sự phát triển nền nông nghiệp trong tương lai. 	
50	Ôn tập giữa kì II	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp HS nắm bắt lại một số vấn đề, nội dung kiến thức quan trọng ở một số bài học ở chương 7, Chương 8, Chương 9 (hết bài 22). - Hệ thống hóa được kiến thức cơ bản, nắm vững, khác sâu kiến thức sau khi đã học. <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. 	
51	Kiểm tra giữa kì II	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 7: Địa lí dân cư. - Chương 8: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế. - Chương 9: Địa lí các ngành kinh tế (hết bài 22) <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. 	
52	Bài 23. Vai trò, đặc điểm, cơ cấu, các	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp. 	

<p>nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp</p>		<p>- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp.</p> <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <p>- <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i></p> <p>+ Sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.</p> <p>+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.</p> <p>- <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.</p> <p>- <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ...</p> <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <p>- <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i></p> <p>Biết và phân tích được vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.</p> <p>- <i>Tìm hiểu địa lí:</i></p> <p>+ Sử dụng các công cụ địa lí:</p> <p>> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ...</p> <p>> Phân tích được sơ đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh...</p> <p>+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.</p> <p>- <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i></p> <p>+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.</p> <p>+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.</p> <p>3. Phẩm chất:</p> <p>- <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước cũng như quá trình phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>- <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự lựa chọn nghề nghiệp cũng như tôn trọng các nghề nghiệp.</p> <p>- <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành</p>	
---	--	---	--

			<p>các nhiệm vụ học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có trách nhiệm trong việc tìm hiểu, nghiên cứu và tham gia các hoạt động sản xuất phù hợp với bản thân. 	
53	Bài 24. Địa lí một số ngành công nghiệp	4	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò, đặc điểm và giải thích được sự phân bố của một số ngành công nghiệp: khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử-tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm. - Phân tích được tác động của công nghiệp đối với môi trường, sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo. - Nêu được những định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai. - Đọc được bản đồ công nghiệp, vẽ và phân tích được biểu đồ về công nghiệp. - Thu thập tài liệu, trình bày và báo cáo được một số vấn đề về công nghiệp. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: <ul style="list-style-type: none"> > Sử dụng được bản đồ để xác định được vai trò, trữ lượng, sự phát triển và phân bố một số ngành công nghiệp: khai thác than và dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử-tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được sự phát triển và phân bố một số ngành công nghiệp: khai thác than và dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử-tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm. 	
54				
55				
56				

			<ul style="list-style-type: none"> - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ... > Biết đọc và sử dụng bản đồ công nghiệp thế giới. > Sử dụng tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vai trò, trữ lượng, sự phát triển và phân bố một số ngành công nghiệp: khai thác than và dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử-tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vai trò, trữ lượng, sự phát triển và phân bố một số ngành công nghiệp: khai thác than và dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử-tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm. 	
57	Bài 25. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được quan niệm và vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp. - Phân biệt được vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> 	

		<p>+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập.</p> <p>+ Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.</p> <p>- <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp.</p> <p>- <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ...</p> <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <p>- <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>:</p> <p>+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp trên thế giới.</p> <p>+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân có sự hình thành các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp trên thế giới.</p> <p>- <i>Tìm hiểu địa lí</i>:</p> <p>+ Sử dụng các công cụ địa lí:</p> <p>> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ...</p> <p>> Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam.</p> <p>> Sử dụng mô hình, tranh ảnh...</p> <p>+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.</p> <p>- <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>:</p> <p>+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp trên thế giới.</p> <p>+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp trên thế giới và Việt Nam.</p> <p>3. Phẩm chất:</p> <p>- <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước cũng như quá trình phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>- <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự lựa chọn nghề nghiệp cũng như tôn trọng các nghề nghiệp.</p> <p>- <i>Chăm chỉ</i>: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.</p> <p>- <i>Trung thực</i> trong học tập.</p> <p>- <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có trách nhiệm trong việc tìm hiểu, nghiên cứu và tham gia các hoạt động sản xuất</p>	
--	--	---	--

			phù hợp với bản thân. Hiểu và có trách nhiệm đối với sự phát triển nền công nghiệp trong tương lai.	
58	Bài 26. Vai trò, đặc điểm, cơ cấu, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu của dịch vụ. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp; biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được cơ cấu, vai trò, các nhân tố ảnh hưởng và đặc điểm phân bố ngành dịch vụ. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn tới đặc điểm phân bố ngành dịch vụ. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... > Biết đọc và sử dụng bản đồ. > Sử dụng sơ đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về cơ cấu, vai trò, các nhân tố ảnh hưởng và đặc điểm phân bố ngành dịch vụ. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến cơ cấu, vai trò, các nhân tố ảnh hưởng và đặc điểm phân bố ngành dịch vụ. <p>3. Phẩm chất:</p>	

			<ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng khả năng nhận thức và định hướng lựa chọn nghề nghiệp của người khác. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có ý thức trách nhiệm trong việc tham gia phát triển các ngành kinh tế phù hợp với năng lực bản thân (nhất là lĩnh vực dịch vụ). 	
59	Bài 27. Địa lí giao thông vận tải và bưu chính viễn thông	4	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của giao thông vận tải và bưu chính viễn thông. - Trình bày được tình hình phát triển, phân bố và ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được sự tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế- xã hội đối với sự phát triển, phân bố ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: 	
60				
61				
62				

			<ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... > Biết đọc và sử dụng bản đồ. > Sử dụng sơ đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vai trò, đặc điểm, các nhân tố 	
63	Bài 28. Thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch	4	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của ngành thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch. - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố của ngành thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch. - Vẽ được biểu đồ và phân tích được số liệu thống kê ngành dịch vụ. - Viết được báo cáo tìm hiểu về một ngành du lịch. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Có khả năng và sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông 	
64				
65				
66				

		<p>qua các hoạt động cá nhân/nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: Xác định được khái niệm và đặc điểm của thị trường; Vai trò và các hoạt động của ngành thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng các công cụ địa lí: <ul style="list-style-type: none"> > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam. > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản: Tổng giá trị xuất nhập khẩu, cán cân xuất nhập khẩu; biết nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê. > Sử dụng sơ đồ, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về khái niệm và đặc điểm của thị trường; Vai trò và các hoạt động của ngành thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến khái niệm và đặc điểm của thị trường; Vai trò và các hoạt động của ngành thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng khả năng nhận thức và định hướng lựa chọn nghề nghiệp của người khác. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản 	
--	--	---	--

			thân. Có ý thức trách nhiệm trong việc tham gia phát triển các ngành kinh tế phù hợp với
67	Bài 29. Môi trường và tài nguyên thiên nhiên	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được khái niệm, đặc điểm của môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Phân tích được vai trò của môi trường, tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển của xã hội loài người. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp; biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được vấn đề môi trường. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Hiểu và giải thích được vì sao vấn đề môi trường lại rất được quan tâm. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ... > Sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vấn đề môi trường. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vấn đề môi trường. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên và sự đa dạng tài nguyên thiên nhiên của đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Quý trọng tự nhiên, môi trường.

			<ul style="list-style-type: none"> - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lí và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. 	
68	Bài 30. Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm và sự cần thiết phải phát triển bền vững. - Trình bày được khái niệm và biểu hiện của tăng trưởng xanh. - Liên hệ được một số vấn đề về tăng trưởng xanh. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Có khả năng và sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được vấn đề phát triển bền vững. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Hiểu và giải thích được vì sao vấn đề phát triển bền vững lại rất được quan tâm. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng các công cụ địa lí: <ul style="list-style-type: none"> > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ... > Sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin 	

			<p>cậy về vấn đề phát triển bền vững.</p> <p>+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vấn đề phát triển bền vững.</p> <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên và sự đa dạng tài nguyên thiên nhiên của đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Quý trọng tự nhiên, môi trường. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lí và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; Chú trọng vấn đề phát triển bền vững và tăng trưởng xanh. 	
69	Ôn tập cuối kì II	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp HS ôn tập, củng cố nội dung kiến thức và kỹ năng trong học kì II: Chương 7, 8, 9, 10. <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. 	
70	Kiểm tra cuối kì II	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 7: Địa lí dân cư. - Chương 8: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế. - Chương 9: Địa lí các ngành kinh tế. - Chương 10: Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh. <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ 	

		năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
--	--	--	--

PHẦN II: CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP ĐỊA LÍ

Thứ tự tiết	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1 - 10	Biến đổi khí hậu	10	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm, các biểu hiện của biến đổi khí hậu. - Giải thích được nguyên nhân của biến đổi khí hậu. - Phân tích được các tác động của biến đổi khí hậu và hậu quả trên phạm vi toàn cầu. - Giải thích được tầm quan trọng và sự cấp bách của ứng phó với biến đổi khí hậu. - Hệ thống hóa được các nhóm giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ,... <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Phân tích được khái niệm, biểu hiện, nguyên nhân, tác động, hậu quả, tầm quan trọng và sự cấp bách cần phải có các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh,... - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về khái niệm, biểu hiện, nguyên nhân, tác động, hậu quả, tầm quan trọng và sự cấp bách cần phải có các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. <p>3. Phẩm chất:</p>

			<ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Yêu thiên nhiên và môi trường tự nhiên ở quê hương, đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có trách nhiệm trong việc chống biến đổi khí hậu.
11 - 25	Đô Thị Hóa	15	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm về đô thị hóa theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Nêu được ý nghĩa của tỉ lệ dân thành thị. - Phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước phát triển. Phân biệt được quy mô của các đô thị. Nhận xét và giải thích được xu hướng đô thị hóa ở các nước phát triển. - Phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước đang phát triển. - Phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước đang phát triển. Nhận xét và giải thích được xu hướng đô thị hóa ở các nước đang phát triển. Phân tích được tác động tích cực và tiêu cực của quá trình đô thị hóa đến dân số, kinh tế, xã hội và môi trường ở các nước đang phát triển. Liên hệ được với thực tế Việt Nam. - So sánh được đặc điểm đô thị hóa giữa hai nhóm nước: phát triển, đang phát triển. - Xác định được trên bản đồ thế giới một số siêu đô thị. - Vẽ được biểu đồ cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của thế giới hoặc một số nước. <p>2. Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

			<p>- <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ...</p> <p>* Năng lực chuyên biệt:</p> <p>- <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Sử dụng được bản đồ để xác định được tỉ lệ dân thành thị, quy mô dân số đô thị.</p> <p>- <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... + Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam.</p> <p>- <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về đô thị hóa.</p> <p>3. Phẩm chất:</p> <p>- <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước.</p> <p>- <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng quá trình đô thị hóa của các địa phương, các vùng và các quốc gia.</p> <p>- <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.</p> <p>- <i>Trung thực</i> trong học tập.</p> <p>- <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có nhận thức đúng đắn về quá trình đô thị hóa nước ta.</p>
26 - 35	Phương pháp viết báo cáo địa lí	10	<p>- Nêu được quan niệm về báo cáo địa lí.</p> <p>- Trình bày được cấu trúc của một báo cáo địa lí.</p> <p>- Xác định được các bước cần thực hiện để viết một báo cáo địa lí: chọn đề tài, xây dựng đề cương; thu thập, chọn lọc, xử lí và hệ thống hóa dữ liệu; trình bày báo cáo.</p> <p>- Xác định được ý tưởng và chọn đề tài báo cáo địa lí.</p> <p>- Xác định được cấu trúc của một đề cương báo cáo khoa học và nội dung chính xác của các đề mục.</p> <p>- Xác định và hình thành được kĩ năng thu thập, chọn lọc, xử lí thông tin, hệ thống hóa thông tin.</p> <p>- Xác định được các hình thức trình bày báo cáo.</p> <p>- Trình bày được kĩ thuật viết một báo cáo địa lí; hình thành được kĩ năng viết và trình bày báo cáo địa lí.</p>

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho học sinh. - Sử dụng bản đồ - Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng - Hệ quả địa lí các chuyển động chính của Trái Đất - Thạch quyển. Nội lực và tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất - Ngoại lực tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất - Khí quyển, nhiệt độ không khí. <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. 	Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	<p>1. Kiến thức:</p> <p>Kiểm tra mức độ hiểu kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kì I:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số vấn đề chung. - Trái Đất. - Thạch quyển. - Khí quyển. 	Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL

			<ul style="list-style-type: none"> - Thủy quyển. - Sinh quyển. - Một số quy luật của lớp vỏ địa lí <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. 	
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 26	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 7: Địa lí dân cư. - Chương 8: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế. - Chương 9: Địa lí các ngành kinh tế (hết bài 22) <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. 	Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 7: Địa lí dân cư. - Chương 8: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế. - Chương 9: Địa lí các ngành kinh tế. - Chương 10: Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh. <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng 	Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL

			<p>lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.</p> <p>- Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.</p> <p>3. Phẩm chất:</p> <p>- Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.</p>	
--	--	--	---	--

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).

(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

III. Các nội dung khác (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

...., ngày tháng năm 2022
HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)